

Số: 113/KH-UBND

Lam Vỹ, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2026-2027**

**I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Căn cứ chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quyết định của Trung ương, của tỉnh về thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Căn cứ Quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030;

- Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

- Căn cứ đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của tỉnh ủy Thái Nguyên về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Lam Vỹ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Đảng bộ xã Lam Vỹ;

- Căn cứ Kế hoạch số 47-KH/ĐU ngày 30/01/2026 của Đảng ủy xã Lam Vỹ về triển khai đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của tỉnh ủy Thái Nguyên về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 98/KH-VHXXH ngày 31/3/2026 của UBND xã Lam Vỹ về thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026;

- Căn cứ Công văn số 612/SGDDĐT-KHTC ngày 09/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2026-2027;

- Căn cứ số liệu về biến động dân số trên địa bàn xã, địa phương triển khai xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, dự báo nhu cầu về số lượng học sinh. Từ đó làm căn cứ xây dựng quy mô trường, lớp, xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán ngân sách nhà nước năm học 2026-2027.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 và số liệu về biến động dân số, dự báo nhu cầu về số lượng học sinh (HS) trên địa bàn xã Lam Vỹ;

UBND xã Lam Vỹ xây dựng kế hoạch phát triển GDĐT năm học 2026-2027 cụ thể như sau:

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025-2026**

## **1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 đã đề ra**

### ***1.1. Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, quy mô học sinh***

Mạng lưới trường, lớp tiếp tục được quy hoạch và củng cố, các loại hình trường lớp được đa dạng hoá đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Năm học 2025-2026, xã Lam Vỹ có tổng số 06 trường mầm non, tiểu học, THCS, trong đó: 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS.

- Tổng số lớp: 58 lớp (17 nhóm lớp mầm non, 27 lớp tiểu học, 14 lớp THCS).

- Tổng số học sinh 1.388 học sinh (353 trẻ mầm non; 569 học sinh tiểu học; 466 học sinh THCS).

+ Mầm non: Tổng số có 02 trường công lập; tổng số 17 nhóm, lớp (nhà trẻ 4 nhóm, mẫu giáo 13 lớp); tổng số 353 trẻ (nhà trẻ 92 trẻ; mẫu giáo 261 trẻ).

+ Tiểu học: Tổng số 02 trường công lập; tổng số 27 lớp (khối 1: 06 lớp, khối 2: 05 lớp, khối 3: 06 lớp, khối 4: 06 lớp, khối 5: 04 lớp); tổng số 569 học sinh (khối 1: 112 học sinh, khối 2: 93 học sinh, khối 3: 128 học sinh, khối 4: 126 học sinh, khối 5: 110 học sinh).

+ THCS: Tổng số 02 trường công lập; tổng số 14 lớp (khối 6: 4 lớp, khối 7: 3 lớp, khối 8: 4 lớp, khối 9: 3 lớp); tổng số 466 học sinh (khối 6: 130 học sinh, khối 7: 120 học sinh, khối 8: 125 học sinh, khối 9: 91 học sinh).

Thực hiện Công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 22/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên, dựa trên cơ sở thực tiễn địa phương, UBND xã Lam Vỹ đề nghị giữ nguyên 06 cơ sở giáo dục gồm 02 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học; 02 trường THCS; giữ nguyên các điểm trường lẻ trên địa bàn xã để tạo sự ổn định đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục, không ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh, phụ huynh tại các vùng xa trung tâm thuận lợi trong việc đến trường và đưa trẻ đến trường.

### ***1.2. Đánh giá tình hình thực hiện đội ngũ***

#### ***1.2.1. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên***

Tổng số biên chế được giao 126 người. Trong đó: Cấp mầm non 40 biên chế, cấp tiểu học 51 biên chế, cấp THCS 35 biên chế.

Tổng biên chế hiện có 123. Trong đó: Mầm non: 39; Tiểu học: 49; THCS: 35.

\* *Đội ngũ biên chế, hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP và định mức khoán được giao ở các trường công lập*

Tổng số hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP được giao 23 người. Trong đó: mầm non 08 người (06 giáo viên, 02 nhân viên), tiểu học 07 người (01 giáo viên, 06 nhân viên), THCS 08 người (02 giáo viên, 06 nhân viên). Số hợp đồng hiện có 17 người, trong đó: mầm non 06 người (05 giáo viên, 01 nhân viên), tiểu học 05 người (01 giáo viên, 04 nhân viên), THCS 06 người (02 giáo viên, 04 nhân viên). Việc thực hiện hợp đồng còn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn giáo viên hợp đồng.

*\*Số lượng Cán bộ quản lý, giáo viên còn thiếu:*

- Cấp THCS: Thiếu 01 Cán bộ quản lý.
- Cấp Tiểu học: Thiếu 01 biên chế.
- Cấp Mầm non: Thiếu 03 biên chế (02 giáo viên nhà trẻ, 01 giáo viên MG).

*1.2.2. Việc triển khai và kết quả thực hiện chính sách khoán giảng dạy và nấu ăn theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.*

Năm học 2025-2026, UBND xã Lam Vỹ đã triển khai thực hiện chính sách khoán giảng dạy và nấu ăn theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021, cụ thể:

- Kỳ I, năm học 2025-2026:

- + Khối Mầm non, tổng số giao định mức khoán: 44 định mức (4 giảng dạy 40 nấu ăn).
- + Khối Tiểu học, tổng số giao định mức khoán: 4 định mức giảng dạy.
- + Khối THCS, tổng số định mức khoán: 1,2 định mức giảng dạy.

Kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên khoán nấu ăn còn thấp chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu để đảm bảo cuộc sống nên đội ngũ nhân viên khoán nấu ăn luôn có tư tưởng giao động, không yên tâm trong công việc.

*1.2.3. Việc thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước, chủ trương của ngành giáo dục và chính sách phát triển giáo dục tại địa phương đối với giáo viên, nhân viên.*

Thực hiện và chỉ đạo các nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục.

Chủ động báo cáo, đề xuất, tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn xây dựng chính sách phát triển giáo dục tại địa phương, tận dụng tối đa các nguồn lực, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành và sự ủng hộ của các cấp để xây dựng, phát triển môi trường giáo dục xã Lam Vỹ.

*1.2.4. Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu Đề án đào tạo, bồi dưỡng*

Thực hiện Quyết định số 3400/QĐ-UBND ngày 30/10/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, kết quả tiến độ thực hiện như sau:

- Cấp học Mầm non, số cán bộ quản lý, giáo viên: 39, số trên chuẩn 33, tỷ lệ 84,62%, số đạt chuẩn 6, tỷ lệ 15,38%.

- Cấp Tiểu học, số cán bộ quản lý, giáo viên: 45, số trên chuẩn 0; số đạt chuẩn 44, tỷ lệ 97,78%; chưa đạt chuẩn 01, tỷ lệ 2,22% (không thuộc diện bắt buộc đào tạo nâng chuẩn).

- Cấp THCS, số cán bộ quản lý, giáo viên: 28, số trên chuẩn 0; số đạt chuẩn 28, tỷ lệ 100%.

Tổng số giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP là 8 người đều đạt chuẩn, tỷ lệ 100%.

So với đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp nâng chuẩn đảm bảo trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 theo đúng lộ trình đã được UBND tỉnh xây dựng trong kế hoạch. Hiện nay số cán bộ quản lý, giáo viên biên chế trên chuẩn cấp mầm non vượt 4,62 % (tính đề ra 80%), cấp tiểu học và cấp THCS chưa đạt. Hiện nay có 01 giáo viên biên chế trường Tiểu học Linh Thông chưa đạt chuẩn nhưng không thuộc diện bắt buộc đào tạo nâng chuẩn.

### ***1.3. Chất lượng giáo dục các cấp học, kết quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông***

#### ***1.3.1. Giáo dục mầm non***

Căn cứ công văn 924/SGDDĐT-GDMN-GDTH ngày 26 tháng 8 năm 2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên; UBND xã Lam Vỹ đã ban hành công văn số 311/UBND-VHXH ngày 31 tháng 8 năm 2025 về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non trên địa bàn xã Lam Vỹ năm học 2025 - 2026; đổi mới các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Phối hợp với các cấp, ban, ngành, đoàn thể triển khai có hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành.

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trong việc thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ, tăng cường công tác kiểm tra chuyên đề về công tác quản lý của Hiệu trưởng, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; hỗ trợ, tư vấn, kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non.

100% các cơ sở mầm non thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của Bộ GDĐT ban hành, trên cơ sở đó các cơ sở giáo dục mầm non chủ động linh hoạt xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường và kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ năm học, phù hợp với văn hóa địa phương, điều kiện của trường, nhóm, lớp và trẻ để thực hiện chương trình. Chương trình giáo dục mầm non theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” phát triển phẩm chất, năng lực cá nhân, 02/02 trường mầm non công lập có áp dụng phương pháp dạy học STEM/STEAM; 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn, được học 2 buổi/ngày, ăn bán trú tại trường, được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm 0,5% so với đầu năm học.

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) được quan tâm, phối hợp với phòng VSATTP Sở Y tế, Trạm Y tế kiểm tra, giám sát VSATTP tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn.

### **\*Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ:**

- Số trẻ được theo dõi và chăm sóc sức khỏe định kỳ: 352/352 trẻ, đạt 100%
- Số trẻ có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường: 339/352 trẻ, tỷ lệ 96,3%.
- Số trẻ suy dinh dưỡng: 13/352 trẻ, chiếm tỷ lệ 3,7% (Trong đó Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 2/352 trẻ = 0,6%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 8/354 trẻ = 2,3%; Trẻ suy dinh dưỡng cả nhẹ cân và thấp còi 3/352 = 0,9%);
- Trẻ thừa cân béo phì 3/352 chiếm tỷ lệ 0,9%.
- Tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh: 02/02 trường mầm non, trẻ mẫu giáo được làm quen tiếng Anh là 214/260, tỷ lệ 82,3%
- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ (dưới 36 tháng tuổi): 92/224 trẻ đạt 41,1%.
- Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 280/281, đạt 99,6%, cụ thể:

+ Theo dân số: Tổng dân số là 281 trẻ, huy động được 280 trẻ (5 tuổi 113 trẻ; 4 tuổi 92 trẻ, 3 tuổi 75 trẻ), trừ 01 trẻ 5 tuổi khuyết tật không có khả năng huy động; ra lớp 280/280 = 100% (Trong đó: Tổng dân số trẻ 5 tuổi toàn xã: 114 cháu trong đó trẻ trong xã học tại địa bàn: 112 cháu (trong đó: trẻ trong xã học tại địa bàn xã: 107 cháu; trẻ nơi khác đến học nhờ: 5 cháu; đi học trái tuyến nơi khác 7 cháu; trẻ khuyết tật không hoà nhập: 01 cháu tỷ lệ 112/112= 100%); Tổng dân số trẻ 4 tuổi toàn xã: 92 cháu (trong đó trẻ trong xã học tại địa bàn: 82 cháu, trẻ địa bàn đi học trái tuyến nơi khác 10 cháu; trẻ nơi khác đến học nhờ: 1 cháu, tỷ lệ 92/92= 100%); Tổng dân số trẻ 3 tuổi toàn xã: 75 cháu (trong đó trẻ trong xã học tại địa bàn 62 cháu; đi học trái tuyến nơi khác 13 cháu; trẻ nơi khác đến học nhờ: 5 cháu; tỷ lệ 75/75 = 100%)

+ Theo thực tế học tại CSGD xã 261/281 trẻ đạt 92,8%. (Trong đó tổng số trẻ học tại CSGD là 251 trẻ, số từ các xã, tỉnh khác đến học nhờ là 11 trẻ)

- Thực hiện tốt công tác duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2025.

#### *1.3.2. Giáo dục tiểu học*

*a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học*

100% các đơn vị đã tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn; kế hoạch giáo dục của các nhà trường đã được phê duyệt theo quy định; các nhà trường đã bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm theo quy định; tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đối tượng học sinh. Các nội dung giáo dục địa phương, giáo dục kỹ năng công dân số, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng sống, dạy học tích hợp bảo vệ ANQP, quyền con người, bảo vệ môi trường, biển đảo, giáo dục văn hoá trà, văn hoá đọc được xây dựng lồng ghép, tích hợp trong kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo quy định.

*b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông*

100% các nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành. Kết quả:

+ Tỷ lệ 1 phòng học/lớp được đảm bảo, cơ sở vật chất đáp ứng việc tổ chức dạy và học, sĩ số học sinh/lớp theo quy định; 100% lớp học có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định

+ 100% các nhà trường bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định.

+ 100% CSGD thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh được các nhà trường quan tâm thực hiện. Các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương được các nhà trường triển khai tích cực thông qua việc tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào các môn học, hoạt động giáo dục với nhiều hình thức phong phú trong đó có tiết học kết nối giữa các trường trong thành phố và với các trường trong tỉnh.

100% các nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; thời khóa biểu đã được các nhà trường sắp xếp một cách khoa học, theo quy định.

### *c) Chất lượng giáo dục lớp 1, 2, 3, 4, 5*

+ Môn Tiếng Việt: Số học sinh Hoàn thành tốt 444/591 đạt 75,1%; Hoàn thành 146/591 đạt 24,7%; Chưa hoàn thành 01/591, chiếm 0,2%.

+ Môn Toán: Số HS Hoàn thành tốt 442/591, đạt 74,8%; Hoàn thành 148/591, đạt 25%; Chưa hoàn thành 01/591, chiếm 0,2%.

### *1.3.3. Giáo dục THCS*

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tỉnh Thái Nguyên; UBND chủ động xây dựng kế hoạch, đưa ra các giải pháp thực hiện chương trình giáo dục của cấp học cho phù hợp với Chương trình giáo dục và điều kiện của địa phương.

+ Kết quả rèn luyện: Xếp loại Tốt 380/419 học sinh (đạt 90,7% %), xếp loại Khá 33/419 học sinh (đạt 7,9 %); xếp loại Đạt 4/419 học sinh (chiếm 1%) và xếp loại chưa đạt 2/419 học sinh (chiếm 0,4%).

+ Kết quả học tập: Xếp loại Tốt 75/419 học sinh (đạt 17,9%); xếp loại Khá 165/419 học sinh (đạt 39,4%); xếp loại Đạt 176/419 học sinh (chiếm 42,0%) và xếp loại Chưa đạt 3/419 học sinh (chiếm 0,7 %).

### **1.4. Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông**

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS trong GDPT giai đoạn 2018-2025”. Chỉ đạo các trường THCS tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS phổ thông. 100% các trường trung học cơ sở cung cấp thông tin rộng rãi về tình hình kinh tế - xã hội, nhu cầu thị trường lao động, nhằm định hướng các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, phục vụ nhu cầu địa phương. Năm học 2024 – 2025, các trường THCS phối hợp với các trường trung cấp nghề trong và ngoài tỉnh, trung tâm GDTX - GDNN Định Hóa tư vấn hướng nghiệp và phân luồng cho phụ huynh và học sinh, kết quả có 33 học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp.

### ***1.5. Nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ngoại ngữ***

Tiếp tục triển khai đến các nhà trường thực hiện Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách hỗ trợ dạy và học Tiếng Anh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Kế hoạch số 71/KH-SGDĐT ngày 13/01/2022 của Sở GDĐT tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Công văn số 205/SGDĐT-GDTrH-GDTX, ngày 09/02/2022 của Sở GDĐT tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng kế hoạch Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2018-2025; Công văn số 419/SGDĐT-GDTrH ngày 29/3/2018 của Sở GDĐT Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Qua đó, yêu cầu các trường thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động liên quan đến công tác dạy và học ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; tích cực, chủ động triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Đề án theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

UBND Xã Lam Vỹ, Phòng VHXX xã đã triển khai các văn bản chỉ đạo của tỉnh, Sở GDĐT đến các cơ sở giáo dục về triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, GDPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các mục tiêu đã được cụ thể trong kế hoạch. 100% giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn về trình độ đào tạo và chuẩn về

năng lực ngoại ngữ theo quy định; 100% giáo viên tiếng Anh được bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Đẩy mạnh việc dạy và học tiếng Anh qua Internet, cuộc thi IOE các cấp.

Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá, phát triển nguồn học liệu mở, tài liệu tiếng Anh tham khảo chất lượng cao theo chuẩn quốc tế cho giáo viên và học sinh.

### ***1.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục***

Tiếp tục thực hiện kế hoạch Chuyển đổi số trong toàn ngành giáo dục Xã Lam Vỹ theo mục tiêu tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12 /2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 825/KH-SGDĐT ngày 29/4/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên về việc thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trong học kỳ vừa qua phòng VHXX xã Lam Vỹ đã có công văn chỉ đạo các nhà trường cử cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán tham gia đầy đủ đúng thành phần các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các nội dung liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: “Sử dụng hiệu quả các công cụ, tiện ích trong quản lý và dạy học; khai thác hệ thống quản lý văn bản; tập huấn đảm bảo an toàn, an ninh thông tin Cổng thông tin điện tử; Tập huấn hệ thống quản lý lưu trữ tư liệu số hóa; Chỉ đạo các nhà trường thực hiện đăng kí chữ kí số cho 100% CBQL, GV để thực hiện kí học bạ số, khoảng 85% phụ huynh học sinh thực hiện thanh toán các khoản thu không dùng tiền mặt...

Chỉ đạo 100% các nhà trường rà soát và cập nhật đầy đủ thông tin và hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% các nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý nhà trường VNEDU và SMAS. Các nhà trường vận hành hiệu quả hệ thống quản lý nhà trường (sổ theo dõi đánh giá học sinh, học bạ, sổ đăng bộ, lịch báo giảng, thời khóa biểu,...).

100% các nhà trường thường xuyên rà soát, hoàn thiện, cập nhật dữ liệu lên cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên qua địa chỉ <https://csdlgiaoduc.thainguyen.gov.vn> và thực hiện báo cáo định kì theo quy định lên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (Moet) tại địa chỉ: <http://csdl.moet.gov.vn>

Thực hiện triển khai thí điểm về trường điển hình chuyển đổi số để làm cơ sở đánh giá và nhân rộng điển hình ở cả 3 cấp học mầm non, tiểu học, THCS. Chỉ đạo các nhà trường thực hiện triển khai số hóa hồ sơ và các đầu số trên hệ thống theo quy định.

Thực hiện tốt Đề án 06, phối hợp với Công an xã Lam Vỹ trong việc triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các công việc liên quan về Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử; chỉ đạo các nhà trường phối hợp với Công an xã thực hiện làm Căn cước cho học sinh các trường trên địa bàn xã .

Thực hiện giải pháp không dùng tiền mặt: Tổng số phụ huynh học sinh sử dụng tài khoản ngân hàng để nộp các khoản tiền đóng học cho học sinh không dùng tiền mặt đạt khoảng 85%.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấp chứng thư số hiệu trưởng, kế toán và chứng thư số nhà trường của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn xã. Các nhà trường đã phối hợp với các đơn vị cung cấp giải pháp chứng thư số điện tử thực hiện cấp chứng thư số cá nhân cho cán bộ, giáo viên; đã cấp chứng thư số cho các nhà trường (dấu số).

### **1.7. Đánh giá tình hình cơ sở vật chất**

Triển khai thực hiện các chương trình, Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Kế hoạch đầu tư công trung hạn xã Lam Vỹ giai đoạn 2026-2030 cho ngành Giáo dục xã Lam Vỹ. Tiếp tục tham mưu cấp trên đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cho các nhà trường; phối hợp với các phòng, ban đẩy nhanh tiến độ các dự án đã khởi công, triển khai các dự án xây dựng và mua sắm thiết bị đã được ghi kế hoạch vốn năm 2026. Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch vốn để khởi công xây dựng các dự án đã được phân bổ trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2028 để được triển khai thực hiện năm học 2025-2026. Khắc phục tình trạng lớp học, nhà vệ sinh xuống cấp trong các trường mầm non, tiểu học và THCS; từng bước xóa bỏ các công trình trường, lớp học, nhà vệ sinh chưa bảo đảm an toàn theo quy định.

Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị của từng cấp học: Tình hình cơ cấu các công trình trường học; số lượng phòng học, phòng bộ môn và tỷ lệ % phòng kiên cố, bán kiên cố, khả năng đáp ứng so với nhu cầu; số lượng phòng thư viện, phòng giáo dục thể chất/phòng tập đa năng, công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn và tỷ lệ đáp ứng so với nhu cầu; trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và phục vụ việc dạy và học.

Các cơ sở giáo dục chủ động thực hiện mua sắm, tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học theo Chương trình GDPT 2018, đồ dùng thiết bị dạy học khác cho các nhà trường đảm bảo đủ điều kiện dạy và học, phù hợp với nguồn kinh phí của từng đơn vị. Cụ thể cơ sở vật chất các trường năm học 2025-2026:

+ Cấp mầm non: Có 17 nhóm lớp/17 phòng nuôi dưỡng chăm sóc trẻ, đạt tỉ lệ 01 lớp/01 phòng; phòng học kiên cố 17/17 đạt tỷ lệ 100%; không có phòng học nhờ, mượn, tạm. Có 18 phòng chức năng (khối phòng hành chính quản trị, nhà bếp, nhà kho, khối phòng phụ trợ...); 02 phòng phục vụ học tập (phòng giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, tin học kitmas, ngoại ngữ, âm nhạc...); có phòng vệ sinh nam, nữ của trẻ đạt tiêu chuẩn vệ sinh; 100% các trường, điểm trường có công trình nước sạch.

*Đánh giá:* Tuy đã được trang bị, đầu tư xây dựng cơ bản nhưng so với quy định tối thiểu hiện còn thiếu: 01 phòng Giáo dục thể chất; 01 phòng Thư viện; 01 phòng cho trẻ Làm quen với tiếng Anh; Phòng học, phòng chức năng còn thiếu, một số phòng học xuống cấp, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi chưa đồng bộ

+ Cấp tiểu học có lớp 27/27 phòng học, tỉ lệ 01 lớp/01 phòng; phòng học kiên cố 27/27 đạt tỷ lệ 100%; không có phòng học bán kiên cố, phòng học nhờ, mượn, tạm; có 07 phòng học bộ môn (phòng vi tính, ngoại ngữ, âm nhạc, mỹ thuật, công nghệ, tin học, đa chức năng); có 14 phòng chức năng (khối phòng hành chính quản trị, khối phòng phụ trợ...); có 8 phòng hỗ trợ học tập; có 8 phòng phục vụ sinh hoạt (nhà ở công vụ, nhà bếp); có 2 phòng thư viện được trang bị đủ sách giáo khoa, sách tham khảo, báo và máy vi tính truy cập Internet, 100% các trường có công trình vệ sinh giáo viên, HS và công trình nước sạch.

*Đánh giá:* Tuy đã được trang bị, đầu tư xây dựng cơ bản nhưng so với quy định tối thiểu hiện còn thiếu: Bàn ghế giáo viên thiếu: 06 bộ; Bàn ghế học sinh: 60 bộ; Ti vi: 02; Máy tính: 10; Máy in: 02; Thiết bị âm thanh: 02; Bộ đồ dùng tối thiểu lớp 3; 4, 5: 02 bộ/ khối.

+ Cấp THCS có 14 lớp/14 phòng, tỉ lệ 1 lớp/1 phòng; phòng học kiên cố 14/14 đạt tỷ lệ 100%; phòng học bán kiên cố 0/0 tỷ lệ 0%; không có phòng học nhờ, mượn, tạm; có 26 phòng chức năng (khối phòng hành chính quản trị, khối phòng phụ trợ...); có 6 phòng học bộ môn (phòng Tin học, Vật lý- Công nghệ; Sinh – hóa); có 2 phòng thư viện được trang bị đủ sách giáo khoa, sách tham khảo, báo và máy vi tính truy cập Internet.

*Đánh giá:* Số phòng cơ bản đáp ứng yêu cầu, tuy nhiên trang thiết bị đồng bộ của các môn học theo chương trình hiện hành ở tất cả các khối lớp đã xuống cấp, theo thông tư mới chưa đáp ứng đủ nhu cầu dạy học. Trường THCS Lam Vỹ đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 nhưng đã quá hạn 02 năm chưa được công nhận lại, do cơ sở vật chất trường, lớp đã xuống cấp.

### **1.8. Đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025**

*1.8.1. Các công việc, các biện pháp để thực hiện các kỳ thi nghiêm túc, an toàn, hiệu quả*

Phòng VHXH xã Lam Vỹ đã chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch, thực hiện nghiêm túc các cuộc thi, hội thi của giáo viên và HS theo đúng quy chế thi cử, không để xảy ra các hiện tượng vi phạm quy chế thi; công tác quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ đảm bảo chặt chẽ theo quy định; chỉ đạo các nhà trường thực hiện việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS được triển khai và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Đánh giá người học ngay trong quá trình học theo dõi kết quả từng giai đoạn nhằm kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học ở các cấp học, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học.

Các nhà trường thực hiện việc đánh giá HS theo quy định; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh được triển khai và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

*1.8.2. Đánh giá việc thực hiện công tác tự đánh giá, trong đó thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng; tình hình xây dựng trường chuẩn quốc gia*

Được sự quan tâm của Sở GDĐT tỉnh Thái Nguyên, lãnh đạo Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Lam Vỹ về công tác GDĐT, đặc biệt đầu tư cơ sở vật chất, xây mới, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học, duy trì và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn xã Lam Vỹ.

Chỉ đạo các nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp theo đúng hướng dẫn; tổ chức các kì thi đúng theo hướng dẫn của Bộ và Sở. Chỉ đạo các trường đánh giá xếp loại học sinh theo đúng quy chế hiện hành đối với các cấp học của Bộ GDĐT.

Chỉ đạo 100% các nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá, kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

Chỉ đạo các nhà trường tiếp tục duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đăng kí đánh giá ngoài đối với các trường học đảm bảo các điều kiện đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

- Tính đến tháng 3/2026, UBND xã Lam Vỹ có 06/06 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 100%,

+ Cấp Mầm non: 01 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; (Mầm non Linh Thông); 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Mầm non Lam Vỹ);

+ Cấp Tiểu học: 2/2 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, tỉ lệ 100%;

+ Cấp THCS: 2/2 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, tỉ lệ 100%.

**\* Những khó khăn và kiến nghị, đề xuất**

Việc duy trì xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn gặp nhiều khó khăn do thiếu phòng chức năng, thiếu khu nhà hiệu bộ và một số phòng hành chính quản trị

Đề nghị Sở GDĐT tỉnh Thái Nguyên tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, xây dựng nông thôn mới và để đảm bảo cơ sở vật chất triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**1.9. Đánh giá việc thực hiện công tác giáo dục thường xuyên**

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Phòng VHXX tham mưu UBND xã Lam Vỹ thành lập Trung tâm học tập cộng đồng (sau sáp nhập xã thực hiện chính quyền địa phương hai cấp), tham mưu, phối hợp triển khai thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-Ttg phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" và Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, dân vận về nội dung khuyến học, khuyến tài. Đẩy mạnh quỹ khuyến học tại nhà trường, thực hiện công khai, minh bạch việc huy động và các khoản chi từ quỹ khuyến học, khuyến tài; Phối hợp với Trung tâm học tập cộng

đồng xã thực hiện các lớp học phù hợp dành cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh theo nhu cầu và tình hình thực tiễn tại địa phương.

Năm 2025, địa phương được công nhận đạt chuẩn phổ cập Mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt PCGDTH mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 3 và XMC mức độ 2. Công tác xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ: Phối hợp với Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục xã Lam Vỹ và các đơn vị trường học trên địa bàn xã thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, đạt hiệu quả, không có trường hợp tái mù chữ.

Thực hiện đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” theo hướng dẫn tại Hướng dẫn số 1244/BGDĐT-GDĐT ngày 17/9/2025 của Sở GDĐT, Phòng VHXXH xã Lam Vỹ chưa thực hiện triển khai đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã theo nội dung Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023.

### ***1.10. Đánh giá thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống đối với học sinh, công tác đảm bảo an toàn trường học***

Thực hiện Nghị định 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ; Quyết định 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 03/2026/TT-BGD ngày 30/01/2026 quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo. Phòng VHXXH đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện đến các nhà trường Xây dựng quy tắc ứng xử văn hóa, xây dựng môi trường trường học văn hóa được phổ biến, áp dụng trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Tăng cường công tác nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ và tư tưởng trong học sinh. Chủ động phát hiện, phối hợp xử lý các vấn đề phức tạp về chính trị, tư tưởng liên quan đến an ninh chính trị xảy ra trong nhà trường. Phát động và triển khai, tổ chức thực hiện nội dung giáo dục “Lễ phép, thân thiện, trung thực và trách nhiệm”, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong nhà trường.

Hướng dẫn các nhà trường thành lập tổ tư vấn tâm lý học đường để định hướng giáo dục cho học sinh có khó khăn về tâm lý, tình cảm. Giáo dục lòng yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, lòng nhân ái trong học sinh. Nắm bắt tâm tư nguyện vọng và xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh trong tư tưởng giáo viên và học sinh. Góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng và công việc học tập. Hỗ trợ và đưa ra các giải pháp nhằm giúp học sinh rèn kỹ năng sống; góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

Chỉ đạo các nhà trường tổ chức tuyên truyền và quán triệt toàn thể CBQL, GV, NV, học sinh nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn trường học; giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường...

#### **\* Kết quả:**

06/06 đơn vị trường học đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng, chống bạo lực học đường cho cán bộ, nhà giáo, học sinh.

06/06 đơn vị trường học tổ chức các hoạt động giáo dục, trang bị kiến thức, kỹ năng phòng, chống bạo lực học đường; rèn luyện kỹ năng sống cho người học.

06/06 đơn vị trường học công khai kế hoạch và các kênh tiếp nhận thông tin về bạo lực học đường; Thực hiện các biện pháp can thiệp, hỗ trợ kịp thời khi có người học bị bạo lực học đường.

06/06 đơn vị trường học xây dựng và triển khai bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

Từ đầu năm học 2025-2026 đến nay, không có trường hợp vi phạm các quy định nhà giáo và bạo lực học đường xảy ra trên địa bàn xã Lam Vỹ.

### **1.11. Đánh giá về tình hình thực hiện tài chính**

Phòng VHXXH tham mưu UBND xã đảm bảo chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo; tham mưu bổ sung ngân sách chi thường xuyên cho cơ sở giáo dục để đảm bảo chi cho hoạt động giảng dạy và học tập đạt tỷ lệ tối thiểu trong tổng chi thường xuyên theo quy định.

Đầu năm dựa vào định mức giao biên chế, các nhà trường đã xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2025, 2026 gửi UBND xã xét duyệt, dự toán ngân sách được giao kịp thời đảm bảo chế độ và các hoạt động thường xuyên của đơn vị.

- Tình hình thu, chi ngân sách chi thường xuyên và huy động các nguồn tài chính:

Chỉ đạo các nhà trường thực hiện đúng các quy định về thu, chi ngân sách chi thường xuyên và huy động các nguồn tài chính theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; trong đó lưu ý: Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông không phải nộp đơn miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí; đồng thời tăng cường giải quyết thủ tục hành chính qua khai thác dữ liệu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác qua cổng dịch vụ công để tạo thuận lợi tối đa cho người học theo quy định tại Điều 18 nghị định số 238/2025/NĐ-CP; Hướng dẫn số 1276/HD-SGDĐT ngày 18/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; Hướng dẫn số 1348/HD-SGDĐT ngày 22/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập; Công văn số 411/UBND-VHXXH ngày 24/9/2025 của UBND xã Lam Vỹ về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở công lập. Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Nguyên phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 213-QĐ/TWĐTN-CTTN ngày 27/7/2023 của BCH Trung ương Đoàn về việc ban hành Điều lệ Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh khoá XI, giai đoạn 2023-2028; Văn bản số 98/HD-HĐĐ ngày 22/11/2023 hướng dẫn việc thu, chi, quản lý và sử

dụng quỹ đội trong trường học giai đoạn 2023-2027; Thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Việc thu chi các khoản đầu năm tại các đơn vị được triển khai kịp thời đến các cơ sở giáo dục theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị thực hiện thu chi đúng quy định. Hằng năm các đơn vị trường học thực hiện nghiêm túc việc quyết toán ngân sách nhà nước, quyết toán thu, chi các khoản thu và tổng hợp báo cáo tài chính theo quy định, đảm bảo đúng chế độ, định mức.

- Đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Các đơn vị trường học thực hiện tốt cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Đánh giá công tác viện trợ, tài trợ, huy động tự nguyện, huy động vốn ngoài ngân sách đầu tư cho giáo dục.

+ Công tác tham mưu với chính quyền địa phương

Phòng VHXXH luôn được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND và UBND xã; sự quan tâm, phối hợp có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể trong việc thực hiện công tác xã hội hóa tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc trong toàn xã; luôn tích cực tham mưu với UBND xã tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với cán bộ, nhân dân về yêu cầu của xã hội, về chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

+ Sự quan tâm của nhân dân và các ngành, đoàn thể

Đối với công tác xã hội giáo dục trên địa bàn xã Lam Vỹ luôn nhận được sự quan tâm của các ban ngành, đoàn thể và nhân dân.

Các cấp ủy và tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các gia đình và cá nhân tích cực góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục, đóng góp trí tuệ, nhân lực, vật lực cho giáo dục; kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

+ Công tác chỉ đạo các đơn vị trực thuộc

Triển khai tới các trường các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch, thực hiện quản lý sử dụng các khoản thu và đóng góp tự nguyện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND tỉnh; triển khai hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho Chủ tài khoản, kế toán các trường mầm non, tiểu học, THCS về công tác xây dựng kế hoạch vận động tài trợ, tổ chức tiếp nhận tài trợ.

### ***1.12. Đánh giá thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh***

Các chế độ chính sách đối với viên chức và học sinh được triển khai, thực hiện thường xuyên, đúng phân cấp, thẩm quyền và đảm bảo theo đúng các văn bản

quy định hiện hành.

- Đối với giáo viên, nhân viên: Thực hiện đầy đủ phụ cấp ưu đãi, chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nhà giáo, chế độ hưu trí, tinh giản biên chế, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, chế độ đối với giáo viên giảng dạy tại lớp có học sinh khuyết tật...

Kết quả thực hiện năm 2025:

- + Nâng bậc lương thường xuyên: 10 viên chức.
- + Nâng bậc lương trước thời hạn: 9 viên chức.
- + Nâng thâm niên nhà giáo: 44 giáo viên.
- + Nghỉ chế độ theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP: 1 viên chức.
- + Giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật: 75 giáo viên.
- + Giáo viên tham gia dạy Tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào Lớp 1: 06 giáo viên.

- Đối với học sinh: Các chế độ được triển khai và thực hiện đầy đủ, đảm bảo theo đúng các văn bản quy định hiện hành của nhà nước gồm: chế độ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 3, 4, 5 tuổi, chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ, chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chế độ chính sách cho học sinh khuyết tật.

Kết quả thực hiện chế độ cho học sinh và giáo viên học kỳ I năm học 2025-2026.

STT	Chế độ	Số lượng học sinh	Kinh phí (đồng)
1	- Cấp bù, miễn giảm học phí (Nghị định 238)	1.370	457.000.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập (Nghị định 238)	597	358.200.000
2	Ăn trưa (Nghị định 105)	131	83.840.000
3	Học sinh khuyết tật	9	67.392.00
4	Tiền ăn (Nghị định 66)	79	80.200.000
5	Học sinh là người DTTS tham gia học tiếng Việt	106	37.100.000
6	Giáo viên tham gia dạy Tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào Lớp 1	6	26.700.480
7	Giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật	75	295.837.122

8	Cấp bù học phí cho học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trung cấp (khoản 12 Điều 15 - NĐ238	63	593.250.000
---	----------------------------------------------------------------------------------------------	----	-------------

*\* Đánh giá chung*

Các chế độ chính sách được thực hiện theo đúng quy trình, quy định và các bước phê duyệt, các trường thông báo đến giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh các chế độ chính sách được hưởng sau đó tổng hợp báo cáo số lượng, dự toán kinh phí trình UBND xã phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện. Hồ sơ chứng từ thanh quyết toán được lưu trữ đầy đủ tại các nhà trường.

## **2. Một số tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Cơ sở vật chất của nhiều trường đã xuống cấp (trường THCS Lam Vỹ), thiếu khối phòng phục vụ học tập, phòng học bộ môn, phòng chức năng, phòng hành chính quản trị, nhà đa năng, nhà vệ sinh giáo viên và học sinh, khu vui chơi và trang thiết bị dạy học, phòng học diện tích quá nhỏ.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho giáo dục hạn hẹp chưa đáp ứng để tăng cường cơ sở vật chất. Việc đầu tư kinh phí cho xây mới, sửa chữa chưa đáp ứng kịp xu thế phát triển của ngành giáo dục, chỉ ở mức tối thiểu.

- Các thiết bị dạy học chưa đảm bảo đáp ứng chương trình GDPT 2018 (lớp 3, 4, 5), chưa được cấp trang thiết bị.

### **2.2. Nguyên nhân**

Ngân sách chi cho việc đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn hạn chế, đầu tư xây dựng trường lớp chưa được đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay.

Trường Mầm non Lam Vỹ rất khó khăn trong việc mở rộng diện tích đất đáp ứng tiêu chuẩn của xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

## **III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2026-2027**

### **1. Các mục tiêu chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu đổi mới của GDĐT trong giai đoạn hiện nay. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới, ưu tiên khuyến khích phát triển các loại hình đào tạo chất lượng cao trên địa bàn xã; xây dựng mô hình trường học thông minh.

Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với GDĐT. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Tiếp tục củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì và giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3, xóa mù

chữ mức độ 2; từng bước thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em 3 đến 4 tuổi; triển khai thành công Chương trình GDPT 2018.

Đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường để nâng tỷ lệ huy động trẻ mầm non, giảm tình trạng quá tải HS. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho giáo dục, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục; đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

### ***1.2. Mục tiêu cụ thể***

Năm học 2026-2027, xã Lam Vỹ có 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS công lập, tiếp tục tăng cường đầu tư, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học của các cơ sở giáo dục theo quy định.

- Cấp mầm non: Duy trì 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Phấn đấu tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 43% trở lên; tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 100%; Huy động trẻ dưới 24 tháng tuổi ra lớp tỷ lệ đạt 7% ; Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 02 buổi/ngày đạt 100%;

- Cấp tiểu học: Duy trì 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đến trường đạt 100%; 100% học sinh tiểu học được học 9 buổi/tuần; 100% số học sinh lớp 3 đến lớp 5 được học ngoại ngữ, tin học. Tổ chức dạy làm quen tiếng Anh cho 100% học sinh lớp 1, 2.

- Cấp THCS: Duy trì 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6; 99,9% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS.

- Thực hiện tốt huy động trẻ khuyết tật học hòa nhập.

- Đảm bảo các trường có đủ cán bộ quản lý theo quy định, 100% cán bộ quản lý có trình độ đạt chuẩn trở lên.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu; có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt. Đảm bảo 100% giáo viên các trường có trình độ đạt chuẩn trở lên.

- Phổ cập giáo dục: Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, PCGD tiểu học mức độ 3, PCGD trung học cơ sở mức độ 3, PCGD xóa mù chữ mức độ 2; đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi. Hoàn thành Phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong năm 2026.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

### ***2.1. Sắp xếp, hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất***

Năm học 2026-2027 xã Lam Vỹ có tổng số 06 trường: 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS cụ thể như sau:

- Tổng số lớp: 58 lớp (16 nhóm lớp mầm non, 27 lớp tiểu học, 15 lớp THCS).

- Tổng số học sinh 1.414 học sinh (355 trẻ mầm non; 570 học sinh tiểu học; 489 học sinh THCS).

+ Mầm non: Tổng số 02 trường công lập, với tổng số 16 nhóm lớp (nhà trẻ 4 nhóm, mẫu giáo 12 lớp); 355 trẻ (nhà trẻ 87 trẻ, mẫu giáo 268 trẻ)

Tỷ lệ học sinh trên lớp (Nhóm trẻ 24-36 tháng tuổi: 87 trẻ/ 4 lớp ; MG 3-4 tuổi: 102 trẻ/5 lớp; MG 4-5 tuổi: 74 trẻ/4 lớp; MG 5-6 tuổi: 92 trẻ/3 lớp)

+Tiểu học: Tổng số 02 trường công lập, tổng số 27 lớp (khối 1: 5 lớp, khối 2: 6 lớp, khối 3: 5 lớp, khối 4: 6 lớp, khối 5: 5 lớp); tổng số 569 HS (khối 1: 112 HS, tỷ lệ HS/lớp: 22,4; khối 2: 110 HS, tỷ lệ HS/lớp: 18,3; khối 3: 93 HS, tỷ lệ HS/lớp: 18,6; khối 4: 128 HS, tỷ lệ HS/lớp: 21,3; khối 5:126 HS, tỷ lệ HS/lớp: 25,2).

+ Trung học cơ sở: Tổng số 02 trường công lập, tổng số 15 lớp (khối 6: 4 lớp, khối 7: 4 lớp, khối 8: 3 lớp, khối 9: 4 lớp); tổng số 489 học sinh (khối 6: 114 HS, tỷ lệ HS/lớp: 28,5; khối 7: 130 HS, tỷ lệ HS/lớp: 32,5; khối 8: 120 HS, tỷ lệ HS/lớp: 40; khối 9: 125 HS, tỷ lệ HS/lớp: 31,2).

Quy mô trường, lớp cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn xã.

## ***2.2. Phát triển nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục***

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị các nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh hiểu được tầm quan trọng của nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, lãnh đạo các nhà trường, sự phối hợp giữa các đoàn thể, giáo viên trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa hình thức dạy học; tăng cường hợp tác, chia sẻ, giao lưu, thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới của đội ngũ nhà giáo. Tham dự các lớp tập huấn chuyên môn của Sở GDĐT tổ chức và tổ chức các lớp tập huấn về công tác chuyên môn cho các cấp học. Khuyến khích, tạo mọi điều kiện để cán bộ, giáo viên được tham dự các lớp đào tạo đạt chuẩn và nâng cao chuẩn trình độ đào tạo. Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cấp phòng, cấp cụm và cấp trường cho cán bộ, giáo viên. Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp xã.

Tiếp tục tham mưu UBND xã rà soát quy hoạch cán bộ quản lý cho các nhà trường, xây dựng kế hoạch bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý cho các nhà trường đúng quy trình, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định bổ nhiệm.

Tiếp tục triển khai và chỉ đạo các nhà trường thực hiện kế hoạch của UBND xã về thực hiện lộ trình nâng chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học. Phấn đấu đến hết năm 2026, 100% cán bộ quản lý, giáo viên biên chế và hợp đồng theo Nghị định 111 các cấp học từ mầm non, tiểu học và THCS đạt chuẩn trình độ đào tạo.

## ***2.3. Nâng cao Chất lượng giáo dục toàn diện; thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông***

### ***2.3.1. Cấp mầm non***

100% trẻ đến trường đảm bảo an toàn, ăn bán trú tại trường, được học 2 buổi/ngày, được theo dõi biểu đồ tăng trưởng, được đánh giá trẻ cuối chủ đề, cuối độ tuổi mục tiêu cho các lĩnh vực phát triển của trẻ, cụ thể:

- Đối với trẻ Nhà trẻ: Giáo dục phát triển thể chất tỷ lệ 97%; giáo dục phát triển nhận thức tỷ lệ 95,4%; giáo dục phát triển ngôn ngữ tỷ lệ 96%; giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ tỷ lệ 96,4% (bình quân 96,2%).

- Đối với độ tuổi mẫu giáo: Trẻ được đánh giá theo 5 lĩnh vực, kết quả cụ thể: Giáo dục phát triển thể chất, tỷ lệ 97,5%; giáo dục phát triển nhận thức, tỷ lệ 96,8%; giáo dục phát triển ngôn ngữ, tỷ lệ 97%; giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội, tỷ lệ 97,2%; giáo dục phát triển tình cảm thẩm mỹ, tỷ lệ 97,5% (bình quân 97,2%).

- Trẻ đạt yêu cầu: 90% trở lên (5 tuổi 92% trở lên)

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình: 100%.

- Tỷ lệ trẻ chuyên cần: 5 tuổi 90% trở lên; Dưới 5 tuổi 85% trở lên

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng 3-4% so với đầu năm học, không có trẻ thừa cân, béo phì; 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng, cân đo 3 lần/năm học; khám sức khỏe 1-2 lần/năm học.

#### *2.5.2. Cấp tiểu học*

Duy trì 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh tiểu học được học 9 buổi/tuần; 100% số học sinh lớp 3 đến lớp 5 được học ngoại ngữ, tin học. Tổ chức dạy làm quen tiếng Anh cho 100% học sinh lớp 1, 2.

#### *2.5.3. Cấp trung học cơ sở*

Tỉ lệ học sinh xếp loại kết quả rèn luyện khá, tốt đạt 95% trở lên; xếp loại kết quả học tập khá, tốt đạt 76% trở lên; HS lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,9%.

### ***2.4. Công tác phân luồng, hướng nghiệp gắn với nhu cầu lao động của địa phương***

Tiếp tục chỉ đạo các trường THCS tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông, giáo dục hướng nghiệp và phân luồng đạt hiệu quả; xây dựng kế hoạch cụ thể, phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX, các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong việc hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS sau tốt nghiệp.

Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh.

Thực hiện tốt việc bồi dưỡng thường xuyên giáo viên. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức dạy học cho cán bộ quản lý, giáo viên. Chú trọng

công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém.

### **2.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đổi mới quản trị nhà trường.**

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc kế hoạch chuyển đổi số theo các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, UBND Xã .

Tiếp tục rà soát tăng CNTT tại nhà trường đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (đường truyền Internet băng rộng, phòng máy tính thực hành, máy chiếu, Tivi, màn hình Led, âm thanh, camera... phục vụ dạy học trên các phòng học, phòng sinh hoạt chuyên môn chung tại nhà trường...)

Triển khai, thực hiện cấp chữ kí số cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; triển khai thực hiện học bạ số cấp tiểu học, THCS; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn ngành; số hoá hồ sơ công việc và lưu trữ trên hệ thống lưu trữ quy định; thực hiện quản lý vận hành phần mềm quản lý văn bản (Thực hiện quy trình giao việc, xử lý công việc trên phần mềm...)

Phối hợp thực hiện tốt đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng hệ thống kho học liệu dùng chung của các cấp học; tìm hiểu và trải nghiệm công nghệ AI và các ứng dụng như ChatGPT, Gemini... (là một kênh chia sẻ dữ liệu, thông tin, kiến thức); triển khai, đưa vào sử dụng hệ thống lưu trữ số hóa, hồ sơ, sổ sách đối với các đơn vị trực thuộc.

Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho 100% đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh toàn trường đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số. Tăng cường tự học, tự bồi dưỡng thông qua chương trình, kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên của CBQL và giáo viên năm học 2026-2027.

Tiếp tục hoàn thiện thu thập thông tin, chuẩn hóa CSDL dùng chung ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, CSDL Bộ GDĐT chuẩn hóa trong năm 2026.

Tiếp tục thực hiện và khai thác các phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc điện tử; các phần mềm quản lý tài chính, tài sản.

Tích cực triển khai dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp trong các cơ sở giáo dục; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số.

Tiếp tục khai thác hiệu quả học liệu số đã được Bộ GDĐT thẩm định công bố trên trang <https://igiaoeduc.vn/> và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

Tiếp tục thực hiện triển khai đánh giá các nhà trường về tiêu chí đánh giá mức độ Chuyển đổi số các trường tiểu học, THCS theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT. Chỉ đạo các trường mầm non thực hiện đánh giá tiêu chí mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Triển khai, thực hiện cấp chữ kí số cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Tiếp tục triển khai dạy học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số. Triển khai hệ thống quản lý tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.

## ***2.6. Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục***

Tiếp tục tham mưu UBND xã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị đồ dùng cho các nhà trường; phối hợp với các phòng, ban của UBND xã, đẩy nhanh tiến độ các dự án đã khởi công, triển khai các dự án xây dựng và mua sắm thiết bị đã được ghi kế hoạch vốn năm 2026. Tiếp tục tham mưu cho UBND xã giao kế hoạch vốn đề khởi công xây dựng các dự án đã được phân bổ trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2028 để được triển khai thực hiện năm học 2026 - 2027.

Rà soát đánh giá lại toàn bộ tình hình cơ sở vật chất toàn ngành để xây dựng phương án sửa chữa, xây dựng phòng học, phòng chức năng, mua sắm trang thiết bị phục vụ Chương trình GDPT 2018 vào năm học 2026 - 2027. Khắc phục tình trạng nhà vệ sinh xuống cấp trong các trường mầm non, tiểu học và THCS; từng bước xóa bỏ các công trình trường, lớp học, nhà vệ sinh chưa bảo đảm an toàn theo quy định.

Phối hợp với các phòng ban, các nhà trường tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực tham gia vào sự nghiệp GDĐT của xã. Tiếp tục thực hiện tốt các khoản thu khác trong trường học theo các văn bản quy định hiện hành. Đảm bảo không để tình trạng lạm thu, thu chi sai quy định, sai mục đích, thu gộp nhiều khoản thu vào đầu năm học.

## ***2.7. Bảo đảm an toàn trường học, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh***

Tiếp tục quán triệt nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” tiếp tục phong trào xây dựng “Trường học sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn”, “Trường học hạnh phúc”...

Tiếp tục thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn trường học trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã; hướng dẫn thủ tục công nhận trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; xây dựng kế hoạch phòng ngừa và phương án ứng phó với bạo lực học đường tại các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn xã.

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; công tác giáo dục thể chất cho HS; giáo dục “Lễ phép, thân thiện, trung thực, trách nhiệm” gắn liền với việc xây dựng “Trường học sáng, xanh, sạch, đẹp, hạnh phúc”.

Tiếp tục triển khai Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời; Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam; Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Thái Nguyên theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

### **3. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm học 2026 - 2027**

Năm 2026, định mức phân bổ ngân sách nhà nước là dành 81% chi thanh toán các khoản chi cá nhân, 19% chi thường xuyên theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên. Nguồn kinh phí hoạt động của các nhà trường được thực hiện bằng nguồn kinh phí Ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của nhà nước. Năm 2026, UBND xã đã phân bổ kinh phí Ngân sách chi thường xuyên cho các nhà trường đảm bảo chi lương, các khoản theo lương, chi thường xuyên khác. Dự toán ngân sách cho việc thực hiện chương trình GDPT 2018 theo lộ trình năm 2026 được lồng ghép trong chi thường xuyên của các nhà trường.

Tiếp tục tham mưu UBND xã giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn xã năm 2026 để góp phần chủ động về mặt tài chính trong các hoạt động chuyên môn, chủ động tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường, nâng cao trách nhiệm quản lý tài chính của người đứng đầu cơ sở.

### **4. Tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá**

#### **4.1. Phân công trách nhiệm thực hiện**

a) Phòng Văn hoá - Xã hội: Chỉ đạo chung việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn; huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch.

Tham mưu UBND xã tiếp tục quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng cơ vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học của các nhà trường theo Chương trình GDPT 2018 cho năm học 2026-2027, đảm bảo duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

Phối hợp với phòng Kinh tế ban rà soát, bố trí quỹ đất cho các nhà trường để đảm bảo diện tích sân chơi, bãi tập cho học sinh và tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo tiến độ xây dựng, duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia.

Bộ phận phụ trách giáo dục của xã: Tham mưu UBND xã triển khai kế hoạch; phối hợp với các cơ quan, đoàn thể và các nhà trường tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục; tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ theo quy định.

b) Phòng Kinh tế: Tham mưu về quy hoạch quỹ đất giáo dục và hạ tầng kỹ thuật trường học để xây dựng mới, cải tạo trường lớp và mua sắm trang thiết bị dạy học từ nguồn vốn đầu tư công.

c) Các cơ sở giáo dục trên địa bàn: Căn cứ kế hoạch của xã xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao

chất lượng giáo dục, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn trường học và các nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

Rà soát, tổng hợp nhu cầu đầu tư kinh phí sửa chữa cơ vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên hàng năm. Tạo điều kiện cho CBQL, giáo viên đi học Thạc sĩ, học trung cấp lý luận chính trị để nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị.

d) Các tổ chức đoàn thể, Hội Khuyến học và các tổ chức xã hội: Phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

#### **4.2. Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá**

UBND xã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tại các cơ sở giáo dục; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Định kỳ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục, làm cơ sở điều chỉnh và nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo.

#### **4.3. Điều chỉnh kế hoạch**

Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế và các chỉ đạo mới của cấp trên, UBND xã sẽ xem xét, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu phát triển giáo dục trên địa bàn.

#### **5. Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị Sở GD&ĐT: tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế, tiếp tục cho hợp đồng lao động giáo viên mầm non, tiểu học, THCS (còn thiếu so với định mức quy định) và nhân viên nấu ăn tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2026-2027.

### **IV. CÁC BIỂU MẪU VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027**

*(các biểu chi tiết kèm theo bản kế hoạch)*

Trên đây là Kế hoạch Phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2026-2027 của UBND xã Lam Vỹ./.

**Nơi nhận:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực ĐU-HĐND ;
- Lãnh đạo UBND xã ;
- Các cơ sở giáo dục;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ma Văn Quyết**

